CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 23 **Ngày 01 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

15-5-2013 - Quyết định số 2510/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Long Thới, huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015. 2

15-5-2013 - Quyết định số 2511/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015. 22

15-5-2013 - Quyết định số 2512/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015. 45

18-5-2013 - Quyết định số 2578/QĐ-UBND ban hành Quy chế tiếp công dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. 69

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2510/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Long Thới, huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt "Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025";

Xét Tờ trình số 13/TTr-BQL, ngày 12 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Thới, huyện Nhà Bè về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Long Thới, huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 02/TB-TCT-PTNT ngày 08 tháng 01 năm 2013; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số: 701/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Long Thới, huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Long Thới, huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành

phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Thới nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Thới và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Nhà Bè có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Long Thới,
huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Phần I
THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ LONG THỚI, HUYỆN NHÀ BÈ

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SỐ, LAO ĐỘNG

1. Điều kiện tự nhiên:

Xã Long Thới, huyện Nhà Bè nằm về phía Nam thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 15 km, địa giới:

- Phía Đông tiếp giáp với xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ.

- Nam tiếp giáp với xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè và xã Long Hậu (Cần Giuộc - Long An).

- Tây tiếp giáp với xã Long Hậu (Cần Giuộc - Long An) và xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.

- Bắc tiếp giáp với xã Nhơn Đức và xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.

Được chia làm 3 ấp: ấp 1, ấp 2 và ấp 3. Khu vực trung tâm xã là ấp 2.

Tổng diện tích tự nhiên: 1.089,11 ha, được chia ra làm 3 ấp: ấp 1, 2, 3.

Trong đó: Diện tích đất: + Nông nghiệp: 610,395 ha.

+ Phi nông nghiệp: 478,715 ha.

2. Dân số:

- Dân số toàn xã là 6.732 nhân khẩu với 1.536 hộ gia đình, mật độ dân số bình quân 532 người/km^2.

- Do tốc độ đô thị hóa nhanh nên địa bàn xã đang và sẽ đón nhận một lượng không nhỏ dân từ nơi khác đến sinh sống. Điều này tác động rất lớn đến sự thay đổi phân bố dân cư, phát triển sản xuất; đồng thời tác động đến việc sử dụng đất trên địa bàn xã.

- Về số hộ thực tế còn sản xuất nông nghiệp theo thống kê đầu năm 2011 khoảng 100 hộ, chiếm 6,5% tổng số hộ. Ngoài ra vẫn còn một số hộ có diện tích đất sản xuất nông nghiệp nhưng do không hiệu quả nên để trống. Các mô hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã hiện nay với quy mô nhỏ lẻ và không tập trung. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp không mang lại hiệu quả kinh tế cao, vì vậy người dân chuyển sang các ngành nghề khác hoặc làm công nhân trong các khu công nghiệp. Kinh tế xã đang chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng trong ngành nông nghiệp.

3. Lao động:

- Xã Long Thới có lực lượng lao động khoảng 3.836 người (Nam 1.880, nữ 1.956), chiếm 57% dân số toàn xã. Trong đó, lao động trong độ tuổi: 2.639 người. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi ở các ngành:

+ Nông nghiệp: 381 người, tỷ lệ 14,44%,

+ Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 1.028 người, tỷ lệ 38,95%,

+ Thương mại - dịch vụ: 1.230 người, tỷ lệ 46,61%.

II. THỰC TRẠNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch:

- Các quy hoạch hiện có:

+ Quy hoạch chỉnh trang khu dân cư ấp 1.

+ Quy hoạch hệ thống thoát nước khu dân cư hiện hữu xã Long Thới.

+ Quy hoạch lộ giới hẻm.

+ Quy hoạch cụm sản xuất Long Thới.

+ Quy hoạch khu Long Thới - Nhơn Đức (Viện, trường).

+ Quy hoạch phân ranh khu dân cư hiện hữu xã Long Thới.

- Các quy hoạch cần bổ sung:

Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp,

hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Giao thông:

- Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã (đường trục xã, liên xã; đường trục ấp, liên ấp, tổ và đường trục chính nội đồng): 19,438 km đường, trong đó:

+ Đường giao thông trục xã, liên xã đã được bê tông hóa đạt 100%.

+ Đường trục ấp, tổ: trên địa bàn xã có 24 tuyến hẻm giao thông trục ấp, tổ với tổng chiều dài khoảng 6, 071 km phần lớn đã được bê tông hóa từ năm 2003, tuy nhiên thời gian nâng cấp đã lâu. Hiện nay đã xuống cấp, chiều rộng đường nhỏ, không có cống thoát nước, cao độ thấp, ngập nước thường xuyên, một số tuyến lầy lội vào mùa mưa. Do đó không đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy.

+ Đường ngõ, xóm: cũng giống như đường giao thông trục ấp, tổ, đường ngõ, xóm phần lớn đã được bê tông hóa, tuy nhiên thời gian nâng cấp đã lâu. Hiện nay đã xuống cấp, chiều rộng đường nhỏ, không có cống thoát nước, cao độ thấp, ngập nước thường xuyên, một số tuyến lầy lội vào mùa mưa. Do đó không đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy.

+ Đường trục chính nội đồng: hiện trạng xã có 02 tuyến đường trục chính nội đồng, chiều rộng khoảng 3m, kết cấu cấp phối sỏi đỏ, mặt đường đã xuống cấp, ngập nước, lầy lội thường xuyên. Ngoài ra, trên các trục đường này có 6 cầu sắt chiều rộng 2m, tải trọng cầu 1 tấn do đó không đảm bảo cho xe cơ giới đi lại thuận tiện.

2.2. Thủy lợi:

- Trên địa bàn xã Long Thới có nhiều kênh, rạch nhưng chỉ đáp ứng một phần yêu cầu sản xuất, không đáp ứng yêu cầu dân sinh do một kênh, rạch trong khu dân cư bị bồi lắng, ô nhiễm môi trường cần được nạo vét khơi thông dòng chảy.

2.3. Điện:

- Tổng số trạm biến thế trên địa bàn xã: 24 trạm với công suất là 5.225kVA.

- Số km đường dây trung thế: 13 km; hạ thế: 25 km.

- Tất cả các tuyến đường chính đều có bóng đèn điện. 100% hộ dân sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia.

2.4. Trường học:

- Hiện tại trên địa bàn xã có 03 trường học, trong đó:

+ Một trường mầm non (Đồng Xanh) đạt chuẩn quốc gia mức 1 (Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2011).

+ Một trường tiểu học (Trang Tấn Khương) đạt chuẩn quốc gia mức 1 (Quyết định số 3943/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2007).

+ Một trường trung học phổ thông (Long Thới) đạt chuẩn về cơ sở vật chất.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

- Hiện tại trên địa bàn xã chưa có trung tâm văn hóa và cũng không có khu hoạt động thể thao phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân. Chủ yếu các điểm sinh hoạt văn hóa văn nghệ diễn ra tại khuôn viên trường tiểu học Trang Tấn Khương và khu vực xung quanh. Điều đó gây hạn chế phần nào trong việc phát huy truyền thống văn hóa của địa phương cũng như hạn chế phạm vi giao lưu văn hóa, văn nghệ trên địa bàn xã.

- Xã có 03 ấp, đã có 2 ấp được công nhận ấp văn hóa là ấp 1 và ấp 3. Hiện ấp 2 đã có quỹ đất 1 ha để xây dựng nhà văn hóa xã nhưng còn khó khăn về thủ tục giao đất.

2.6. Chợ:

- Xã hiện có 01 nhà lồng chợ Bà Chồi ở ấp 2 chưa đạt chuẩn với diện tích 1.703m^2, 94 sạp, trên 100 tiểu thương tham gia mua bán, các mặt hàng chủ yếu là sản phẩm phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân trong xã. Do đó việc xây dựng mới chợ là rất cần thiết.

2.7. Bưu điện:

- Người dân sử dụng thông tin liên lạc tại bưu điện Long Thới tại ấp 3.

- Tại 3 ấp có 09 điểm truy cập internet do nhân dân đầu tư.

- Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn xã được đảm bảo.

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Trên địa bàn xã đã thực hiện thành công việc xóa nhà tạm bợ, do đó đến năm 2011, hầu như không còn nhà tạm, dột nát.

- Tỷ lệ nhà đạt chuẩn: 90%, chưa đạt chuẩn: 10%.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất:

3.1. Kinh tế:

Thu nhập bình quân đầu người: 18,5 triệu đồng/người/năm (năm 2012).

Tỷ lệ hộ nghèo áp dụng theo tiêu chuẩn của thành phố 12 triệu đồng/người/năm năm 2012 còn 9,7%.

Lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là 381 người, chiếm 14,44% lực lượng lao động trong độ tuổi của xã; còn lại 85,56% là lao động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, công chức, viên chức nhà nước, lao động làm việc trong các xí nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn huyện và các vùng phụ cận.

Cơ cấu kinh tế: Long Thới là xã thuộc huyện ngoại thành, song lại là xã có tốc độ đô thị hóa nhanh, cơ cấu kinh tế hiện nay:

"Thương mại, dịch vụ - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp".

3.2. Hình thức tổ chức sản xuất:

- Trên địa bàn xã có 64 doanh nghiệp (Công ty cổ phần: 1; Trách nhiệm hữu hạn: 30; Tư nhân: 9; Chi nhánh: 16; Văn phòng đại diện: 8). Khu công nghiệp Hiệp Phước có 68 doanh nghiệp đi vào hoạt động, 13 doanh nghiệp đang xây dựng. Bên cạnh tại xã có các loại hình buôn bán nhỏ: có 307 hộ buôn bán lẻ, 119 hộ kinh doanh ăn uống, giải khát. Loại hình dịch vụ tăng so với năm 2009, ngành ăn uống, giải khát tăng 21 hộ (119/98 hộ), buôn bán lẻ tăng 57 hộ (307/250 hộ), vật liệu xây dựng tăng 03 hộ (21/18 hộ).

- Các hộ nông dân tổ chức sản xuất nhỏ lẻ, chưa tập trung và đầu tư đúng mức. Do chịu tác động khá lớn của quá trình đô thị hóa, diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm dần.

4. Văn hóa - Giáo dục - Y tế - Môi trường:

4.1. Giáo dục:

- Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp các cấp học, công tác vận động phổ cập giáo dục đều đạt chỉ tiêu.

- Huy động học sinh 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 100% (111/111 học sinh), 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (105/105 học sinh), học sinh vào lớp 6 đạt 100% (91/91 học sinh), huy động học sinh ra học lớp 10, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề đạt 95% (111/117 học sinh).

- Học sinh từ 6 - 14 tuổi tốt nghiệp tiểu học đạt 99,87% (804/805 học sinh).

- Học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi đạt 100% (79/79 học sinh).

- Học sinh từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 89,96% (403/448 học sinh).

- Học sinh từ 18 - 21 tuổi tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc THCN, bằng nghề đạt 71,58% (267/373 học sinh) chỉ tiêu Nghị quyết giao là 71%.

- Tỷ lệ xóa mù chữ theo quy định của ngành gióa dục: đạt.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: khoảng 980 lao động/2.639, đạt 37%.

4.2. Y tế:

- Xã có 1 trạm y tế trên địa bàn ấp 1 cơ bản đã đạt chuẩn. Tuy nhiên đã xuống cấp.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt khoảng 75%.

4.3. Văn hóa:

- Có 3/3 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa (ấp 1 và ấp 3).

4.4. Môi trường:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia: 100%. Người dân sử dụng nước giếng công nghiệp.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn 80%.

- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 70%. Các hộ chăn nuôi này có xây dựng các hố chứa phân và chất thải tại khu vực chuồng trại.

- Tỷ lệ hộ được thu gom và xử lý rác thải: 95%. Xã đã tổ chức các đội thu gom rác dọc theo các tuyến đường chính và các con hẻm.

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường/tổng số cơ sở còn thấp (khoảng 35%).

- Trên địa bàn xã không có quy hoạch nghĩa trang.

5. Hệ thống chính trị:

5.1. Hệ thống chính trị của xã:

- Đảng bộ cơ sở: có 08 chi bộ trực thuộc, với 83 đảng viên. Trong đó 03 chi bộ ấp, 01 chi bộ cơ quan, 02 chi bộ trường học, 01 chi bộ Công an và 01 chi bộ Quân sự.

- Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của xã tính đến tháng 01 năm 2013 là 11 cán bộ, 09 công chức, 18 cán bộ không chuyên trách.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ cao học: 01 người

+ Trình độ đại học: 09 người

+ Trình độ cao đẳng: 03 người

+ Trình độ trung cấp: 07 người

Về Trình độ chính trị: Cao cấp 03 người, trung cấp 12 người.

5.2. An ninh trật tự xã hội:

- Tình hình an ninh - chính trị được củng cố và giữ vững.

- Xã đã xây dựng và thực hiện nhiều kế hoạch trấn áp tội phạm.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc luôn được củng cố và phát huy sức mạnh toàn dân thông qua duy trì sinh hoạt 39 tổ nhân dân.

Phần II
NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ LONG THỚI - HUYỆN NHÀ BÈ

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng xã Long Thới trở thành xã nông thôn mới thời kỳ CNH - HĐH thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ… nâng cao sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

- Xây dựng xã Long Thới trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

+ Năm 2012: đạt 9/19 tiêu chí (09 tiêu chí: 1, 4, 5, 8, 9,12, 13, 15, 19);

+ Năm 2013: đạt 14/19 tiêu chí (thêm 05 tiêu chí: 7, 14, 16, 17, 18);

+ Năm 2014: đạt 18/19 tiêu chí (đạt thêm 04 tiêu chí: 2, 3, 6, 11);

+ Năm 2015: đạt 19/19 tiêu chí (đạt thêm 01 tiêu chí: 10).

- Những chỉ tiêu cụ thể:

+ Thu nhập bình quân đầu người năm đạt từ 1,5 đến 1,8 lần so với khi xây dựng đề án.

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm dưới 2%.

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Thương mại, dịch vụ - công nghiệp, nông nghiệp.

+ Lao động qua đào tạo nghề trên tổng số lao động đang làm việc đạt trên 70%, trong đó có 40% lao động nữ.

+ Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

+ Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. Các tuyến đường từ xã tới các ấp được nhựa hóa 100% trục nối giữa các ấp, tổ trong ấp, liên tổ được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa.

+ Hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

+ Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 100% ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa;

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

+ Hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác quy hoạch:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: hoàn thành quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới Long Thới theo Thông tư liên tịch số 13/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã Long Thới:

2.1. Giao thông:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 2 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Xây dựng hệ thống giao thông nông thôn bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại, gồm: nâng cấp mở rộng 6 tuyến trục ấp, tổ, nội đồng góp phần giảm khoảng cách chênh lệch về kinh tế, trình độ dân trí giữa nông thôn và thành thị. Kiên cố hóa đường giao thông nông thôn, thúc đẩy kinh tế xã phát triển, tạo diện mạo mới cho nông thôn.

2.2. Thủy lợi:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 3 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Nạo vét và khơi thông dòng chảy 9 tuyến kênh: rạch Bầu Dừa, nhánh rạch chợ Bà Chồi 1 và 2; rạch Bằng Ổi, rạch Tám Mun, rạch Bông Bồn, nhánh rạch Khe Giữa, rạch Mười Thành, rạch Bảy Nhịn.

2.3. Điện:

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Đến năm 2015, hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; 100% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên và an toàn từ các nguồn điện của xã. Vận động, tuyên truyền người dân sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm và lắp đặt thêm mạng lưới điện tại các tuyến đường xây dựng mới.

2.4. Trường học:

- Mục tiêu: nâng chất tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Xây thêm 4 phòng học tổng diện tích sàn xây dựng 842m^2, cải tạo sân chơi, nhà vệ sinh khối cũ, làm mới hệ thống phòng cháy, chữa cháy cho trường Mầm non Đồng Xanh.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã. Xây dựng mới trung tâm văn hóa, thể thao xã: Diện tích khuôn viên đất 10.000 m^2. Diện tích xây dựng 400 m^2, diện tích sàn xây dựng 850 m^2. Xây hàng rào, nhà bảo vệ, sân thể thao ngoài trời. Xây mới trụ sở Ban nhân dân, kết hợp điểm sinh hoạt văn hóa 3 ấp.

2.6. Chợ:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Cải tạo, sửa chữa nâng cấp chợ đáp ứng nhu cầu mua bán của dân cư nông thôn theo phương châm xã hội hóa. Sửa chữa, nâng cấp chợ Bà Chồi ở ấp 2: bố trí lại tổng mặt bằng, cải tạo mái, nền, sạp chợ. Diện tích khuôn viên: 1.703 m^2, diện tích lồng chợ: 560 m^2. Số sạp chợ: 94. Số tiểu thương: 105.

2.7. Bưu chính - viễn thông:

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Nâng cấp bưu điện Long Thới.

2.8. Nhà ở dân cư:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 09 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới (Đến năm 2012: 100% số hộ dân không sống trong nhà tạm, dột nát. Đến năm 2015: 100% số hộ dân có nhà ở kiên cố).

- Mục tiêu: Nâng cấp, chỉnh trang nhà phù hợp với quy hoạch phát triển, đảm bảo vẻ mỹ quan khu dân cư.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia.

- Nội dung:

+ Khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị kết hợp với công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn để giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nông dân.

+ Phát triển các phương thức sản xuất sử dụng ít đất, ứng dụng công nghệ để nâng cao giá trị và hiệu quả trên mỗi đơn vị đất sản xuất nông nghiệp.

+ Tìm kiếm và tạo điều kiện phát triển các ngành nghề phù hợp, đơn giản, nguồn vốn đầu tư ban đầu tương đối thấp nhưng mang lại hiệu quả kinh tế khả quan để tạo việc làm, cải thiện tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là lao động nữ, người lớn tuổi như: may gia công túi xách, các loại hình dịch vụ nấu đám, tiệc, trầm lá dừa nước... để giải quyết lao động nhàn rỗi, tại chỗ.

+ Phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ, phát triển các ngành nghề phù hợp để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống người dân trên địa bàn.

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung:

+ Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà dột nát cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; thực hiện chính sách cho người có công…

+ Tăng cường thực hiện chức năng của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được cho người nghèo và các đối tượng chính sách.

3.3. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm:

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới theo đặc thù của thành phố.

- Nội dung: Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu các khu chế xuất, khu công nghiệp và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

3.4. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Tuyên truyền vận động nông dân tham gia vào các tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục:

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí 14 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Nội dung: Đẩy mạnh công tác truyền thông trong vận động con em trong độ tuổi đi học được đến trường, nâng cao tỷ lệ con em đậu tốt nghiệp trung học phổ thông. Hàng năm duy trì chuẩn quốc gia về phổ cập các cấp.

4.2. Y tế:

- Mục tiêu: nâng chất tiêu chí số 15 về cơ sở vật chất y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung:

+ Sửa chữa, nâng cấp trạm y tế xã nhằm tổ chức tốt khám chữa bệnh, đảm bảo việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tại trạm: nâng nền, chống ngập nước, mua sắm thiết bị y tế; cải tạo hàng rào; lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

+ Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, công tác tăng dân số, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế…

+ Tổ chức thường xuyên các hoạt động y tế tại địa phương.

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh:

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí 16 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Nội dung: Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn ấp.

4.4. Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn:

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí 17 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Nội dung: Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất. Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề

xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội:

5.1. Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí 18 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Nội dung: Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng thông qua việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, bức xúc của người dân tại xã. Xây dựng thiết thực phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới"; phát huy dân chủ cơ sở để dân có cơ hội tham gia và giám sát các hoạt động xây dựng nông thôn mới theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

5.2. An ninh chính trị và trật tự xã hội:

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí 19 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Nội dung: Tuyên truyền vận động cho người dân về giữ vững an ninh trật tự thông qua một số hình ảnh sinh động, các video về tai nạn xã hội, phát tờ bướm và tổ chức tập huấn cho các thanh niên trên địa bàn xã về công tác trật tự xã hội.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Long Thới, huyện Nhà Bè, dự kiến: 274.326 triệu đồng, gồm:

1.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 234.426 triệu đồng (chiếm 85,46%).

1.2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 39.900 triệu đồng (chiếm 14,54%).

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 162.376 triệu đồng, chiếm 59,2%; trong đó:

+ Vốn Nông thôn mới: 153.676 triệu đồng (chiếm 56,02%).

+ Vốn lồng ghép: 8.700 triệu đồng, chiếm 3,18%; chia ra:

* Vốn ngân sách tập trung: 0 triệu đồng

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 8.700 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).

2.2. Vốn cộng đồng đóng góp: 96.550 triệu đồng, chiếm 35,2%; trong đó:

+ Vốn dân: 84.643 triệu đồng.

+ Vốn doanh nghiệp: 9.600 triệu đồng.

2.3. Vốn vay tín dụng: 15.400 triệu đồng, chiếm 5,6%.

2.4. Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa";

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

3.2. Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Ủy ban nhân dân xã Long Thới, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Thới:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Thới xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Long Thới huyện Nhà Bè chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Long Thới và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Thới triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Nhà Bè và xã Long Thới; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Thới cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Long Thới.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Thới, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Long Thới.

4.3. Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Long Thới, huyện Nhà Bè; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2511/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt "Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025";

Xét Tờ trình số 15/TTr-BQL, ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 303/TB-TCT-PTNT ngày 02 tháng 10 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 702/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông,
huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Phần I
THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ XUÂN THỚI ĐÔNG - HUYỆN HÓC MÔN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên:

Xã Xuân Thới Đông nằm ở cửa ngõ phía Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh, ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp với xã Xuân Thới Sơn;
- Phía Đông giáp với xã Tân Xuân, xã Trung Chánh;
- Phía Tây giáp với xã Xuân Thới Thượng;
- Phía Nam giáp với xã Bà Điểm.

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 299,17 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 149,04 ha, chiếm 49,82% diện tích của xã (diện tích đất nông nghiệp 148,58 ha (đất trồng cây hàng năm 65,65 ha, đất trồng cây lâu năm: 82,9 ha), còn lại là đất nông nghiệp khác chiếm 0,46 ha); đất phi nông nghiệp là 150,13 ha, chiếm tỷ lệ 50,18%.

2. Dân số:

Dân số toàn xã là 25.553 nhân khẩu (bao gồm những hộ đăng ký tạm trú trên 6 tháng), trong đó nam chiếm 12.648 người (49,5%), nữ 12.905 người (50,5%), với 5.296 hộ, mật độ dân số bình quân khoảng 8.524 người/km^2. Đây là xã có mật độ dân số cao trong huyện Hóc Môn.

3. Lao động:

Xã có lực lượng lao động khoảng 18.492 người, chiếm 63,6% dân số toàn xã. Trong đó, lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp khoảng 1.249 người, chiếm 7% lực lượng lao động của xã; còn lại 93% (17.243 lao động) trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại.

Hiện xã vẫn còn khoảng 3%, tương ứng với 555 lao động đang trong tình trạng có việc làm không ổn định. Về đào tạo nghề có khoảng 45% lao động đã qua đào tạo ngắn hạn (trong đó có 8,3% lao động đạt đến trình độ chuyên môn cao như: trung cấp chuyên nghiệp; cao đẳng; đại học và trên đại học).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch:

Hiện Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn đã ban hành Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2010 về phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn (tỷ lệ 1/5000). Đến nay Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai quy hoạch chi tiết 1/2000 khu dân cư dọc đường Trần Văn Mười (thuộc xã Xuân Thới Đông) phủ kín diện tích trên toàn địa bàn xã (hiện nay huyện đang trình cơ quan chuyên môn xem xét).

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Giao thông:

Tổng km đường xã Xuân Thới Đông là 35,446 km:

- Đường trục xã, liên xã là 2,649 km, đã được nhựa hóa 2,649 km (100%).

- Đường trục ấp, liên ấp là 16,889 km, tỷ lệ cứng hóa 64,2%.

- Đường ngõ, tổ: 15,908 km, bê tông, đá, tỷ lệ cứng hóa là 43,8%.

2.2. Kênh, rạch (Thủy lợi - Phòng, chống lụt, bão):

Trên địa bàn xã có 01 kênh liên xã, đi qua 3 xã Xuân Thới Sơn - Xuân Thới Đông - Xuân Thới Thượng, với chiều dài đi qua địa bàn xã khoảng 2,1 km, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn đầu tư vào năm 2010, chủ yếu phục vụ cho tiêu thoát nước dân cư.

2.3. Điện:

Hiện xã có 102 trạm biến áp với tổng công suất là 32.021 KVA, 100% hộ dân sử dụng điện quốc gia đã có đồng hồ riêng. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn trên địa bàn xã đạt 100%.

Hiện tại số lượng bóng đèn chiếu sáng dân lập tại xã được trang bị dọc các tuyến đường trên địa bàn xã khoảng 773 bóng.

2.4. Trường học:

- Về cấp Mầm non: có các trường mầm non Xuân Thới Đông, Rạng Đông và Hương Sen. Trong đó, Trường Mầm non Xuân Thới Đông đã được xây dựng năm 2012 đạt chuẩn.

- Về cấp Tiểu học: Trường Tiểu học Tân Xuân, Trường Tiểu học Trần Văn Mười. Trong đó, Trường Tiểu học Trần Văn Mười đã được xây dựng năm 2012 đạt chuẩn.

- Về cấp Trung học Cơ sở: Trường Trung học Cơ sở Tân Xuân, gồm 3 dãy phòng học, riêng dãy C đã xuống cấp, cần đầu tư xây dựng.

2.5. Cơ sở vật chất, văn hóa:

a) Số nhà văn hóa xã, ấp:

Xã chưa có Trung Tâm văn hóa, hiện xã có 01 ấp, nhưng chỉ có 1 tụ điểm sinh hoạt tại văn phòng ấp Mỹ Hòa 2, nhưng đang trong tình trạng xuống cấp.

b) Khu thể thao của xã:

Xã chưa có khu thể dục thể thao; tuy nhiên trong thời gian qua để tạo điều kiện cho nhu cầu giải trí và tổ chức các hoạt động cho người dân, xã phải tận dụng một số bãi đất trống.

2.6. Chợ:

Trên địa bàn xã có 02 chợ: Bùi Môn và Tân Mỹ với 132 tiểu thương, chợ Tân Mỹ với 30 tiểu thương. Chợ Bùi Môn được đầu tư nâng cấp sửa chữa trong năm 2009 với diện tích xây dựng là 592m^2, chợ có thu gom rác theo quy định nhưng cần phải nâng cấp hệ thống thoát nước.

Hiện có một chợ tạm tại xã Xuân Thới Đông 1, xã có kế hoạch xây dựng mới chợ này, nhằm đáp ứng nhu cầu buôn bán và phục vụ đời sống của người dân.

Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: Chưa đạt.

2.7. Bưu điện:

- Xã có 05 đại lý bưu điện và 19 điểm truy cập Internet hoạt động phân bố trên 6 ấp.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: Đều có điện thoại di động và điện thoại cố định, bình quân 1 hộ có 1 điện thoại cố định.

- Đài truyền thanh xã: xã có một đài truyền thanh với 8 cụm loa phân bố đều trên 6 ấp, phát thanh 2 buổi/ngày, tuy nhiên hệ thống các cụm loa đã xuống cấp cần được nâng cấp và bổ sung thêm.

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn:

Toàn xã có tổng số nhà ở là 5.821 căn đa số là nhà kiên cố và bán kiên cố - tính đến tháng 10/2012, đảm bảo được 3 tiêu chí nền, tường và mái theo quy định của Bộ Xây dựng.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất:

3.1. Kinh tế:

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI cơ cấu kinh tế của xã là **Nông nghiệp (3%) - Thương mại, Dịch vụ (45,3%) - Tiểu thủ công nghiệp (51,7%).**

a) Nông nghiệp: do ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa nhanh chóng, nên kinh tế nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp. Toàn xã có khoảng 400 hộ, tổng số nhân khẩu 1.249 người trong lĩnh vực nông nghiệp (tuy nhiên các hộ này hoạt động nhiều ngành nghề, trong đó có nông nghiệp). Trong đó, nuôi heo 32 hộ (712 con), bò 87 hộ (850 con); 11 cơ sở sản xuất hoa lan, cây kiểng.

b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Hiện xã có 124 doanh nghiệp vừa và nhỏ, 1.386 cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, giá trị sản xuất của ngành ước đạt 1.371 tỷ đồng.

c) Dịch vụ - Thương mại: Các ngành dịch vụ của xã tương đối kém phát triển, tập trung chủ yếu trên 02 tuyến đường chính

- Thu nhập bình quân/người: 18,5 triệu đồng/người/năm.

- Số lượng hộ nghèo: 260 hộ (theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm), chiếm 4,68% tổng số hộ toàn xã. Nếu theo tiêu chí của thành phố giai đoạn 1: 06 triệu đồng/người/năm: thì trên địa bàn xã không còn hộ có thu nhập dưới 06 triệu đồng.

3.2. Tỷ lệ lao động có việc làm:

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm đạt 63,6% (18.492/25.553). Trong đó, lao động nông nghiệp là 1.294 người, chiếm 7% lực lượng lao động của xã.

Có khoảng 45% lao động đã qua đào tạo ngắn hạn (trong đó có 8,3% lao động

đạt đến trình độ chuyên môn cao như: Trung cấp chuyên nghiệp; cao đẳng; đại học và trên đại học).

3.3. Hình thức tổ chức sản xuất:

Cơ cấu kinh tế phát triển theo hướng các ngành thương mại dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp nên việc hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp chưa phát triển.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục:

- Tỷ lệ xóa mù chữ đạt;

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: đạt.

- Phổ cập giáo dục trung học : xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học (tỷ lệ 81%) - đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2011 - 2012 là 98,7% - đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 45% (8.421 lao động).

4.2. Y tế:

- Về cơ sở vật chất y tế: xã có 1 trạm y tế với 6 giường bệnh và 7 cán bộ ngành y tế (1 bác sĩ, 4 y sĩ, 1 dược sĩ trung học và 1 hộ sinh trung học). Năm 2009 đạt chuẩn quốc gia. Bình quân hàng năm số lượt người dân đến khám khoảng 12.000 lượt người/năm. *Đạt yêu cầu về tiêu chí quốc gia.*

- Về tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế (trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh sinh viên, cán bộ, công chức - viên chức, người già và trong độ tuổi lao động,...) đạt khoảng 68,45% (17.491 người/25.553 người). Chưa đạt yêu cầu theo tiêu chí quốc gia.

4.3. Văn hóa:

Trong năm 2011, xã Xuân Thới Đông có 1/6 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa (ấp Tân Tiến), đạt tỷ lệ 17%, có 5/6 ấp đạt tiên tiến và trên 83,3% gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa.

4.4. Môi trường:

- Có 5.292/5.332 hộ sử dụng nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99,9% (số liệu thống kê 2011), trong đó có 177/5.332 hộ sử dụng nước máy, đạt 3,34% hợp vệ sinh;

5.105/5.332 hộ sử dụng nước giếng khoan hợp vệ sinh, đạt 96,4%; có 10/5292 hộ sử dụng giếng đào hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ 0,1%.

- Nghĩa trang: Trên địa bàn xã hầu hết chỉ có nghĩa trang của họ tộc, gia đình và tôn giáo. Không có quy hoạch nghĩa trang chung.

- Thu gom và xử lý chất thải ở khu vực nông thôn: 75% số hộ có đăng ký thu gom rác dân lập, các hộ còn lại (405 hộ) tự tiêu hủy theo hình thức chôn hoặc đốt tại nhà. Một số hộ chăn nuôi có xây dựng và sử dụng hầm biogas (19 hộ), việc xử lý chất thải của các hộ chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã chưa đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường (19 hộ/111 hộ chăn nuôi có hầm biogas).

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội:

5.1. Hệ thống chính trị của xã:

+ 01 Đảng bộ cơ sở: có 13 chi bộ trực thuộc, với 171 đảng viên. Trong đó 6 chi bộ ấp, 01 chi bộ cơ quan, 01 chi bộ quân sự, 01 chi bộ công an và 04 chi bộ trường học.

+ Ủy ban nhân dân đã thực hiện mô hình "một cửa, một cửa liên thông" về cải cách hành chính đang từng bước đi vào hoạt động theo hướng phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, trình độ cán bộ, công chức không ngừng được nâng cao, với 45 người, gồm 21 cán bộ, công chức và chuyên trách; 24 cán bộ không chuyên trách. Ngoài ra có 09 cán bộ hợp đồng.

5.2. Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn:

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện, Công an huyện Hóc Môn và Nghị quyết lãnh đạo công tác tình hình an ninh trật tự năm 2012 của Đảng ủy xã, lực lượng Công an xã tổ chức triển khai các mặt công tác tấn công trấn áp các loại tội phạm, nắm chắc di biến động của đối tượng, giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

- Ban Chỉ huy Công an (BCH.CA) xã triển khai kế hoạch đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm chào mừng các ngày lễ, tết trong năm.

Ban Chỉ huy Công an xã chủ động tham mưu Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã xây dựng các kế hoạch và đề ra chỉ tiêu phối kết hợp ban, ngành, đoàn thể xã tổ chức triển khai đạt yêu cầu và phối hợp tốt cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư, góp phần trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Phần II
NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ XUÂN THỚI ĐÔNG ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng xã Xuân Thới Đông trở thành xã có đặc trưng kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ… nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng xã Xuân Thới Đông trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

+ Năm 2012 đạt 6/19 tiêu chí (3, 4, 8, 9, 12, 19).

+ Năm 2013 đạt 11/19 tiêu chí (thêm 5 tiêu chí: 1, 11, 13, 15, 17).

+ Năm 2014 đạt 16/19 tiêu chí (thêm 5 tiêu chí: 5, 6, 7, 14, 17).

+ Năm 2015 đạt 19/19 tiêu chí (thêm 3 tiêu chí: 2, 10, 16).

* Những chỉ tiêu cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch xã nông thôn mới.

- Thu nhập bình quân đầu người năm tăng gấp 1,5 - 1,8 lần so với lúc xây dựng đề án.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm còn dưới 2%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Thương mại - Dịch vụ, Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và Nông nghiệp.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt từ 70%. Trong đó có 40% là lao động nữ.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh. Trong đó đẩy mạnh sản xuất hoa, cây kiểng; cá cảnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. Với tuyến xã tới các ấp được nhựa hóa 100% trục nối giữa các ấp, tổ trong ấp, liên tổ được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 6/6 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 95%; tỷ lệ người tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên đạt 50% và tham gia các hoạt động văn nghệ đạt 20%; tỷ lệ đám cưới, tang lễ thực hiện nếp sống văn hóa đạt trên 85%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn là 100%; hoạt động của Đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị từ tiên tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

3. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào đầu năm 2013.

b) Nội dung: hoàn thành quy hoạch xã nông thôn mới.

- Tiếp tục hoàn thiện các đồ án quy hoạch tại xã.

- Thực hiện đồ án quy hoạch nông thôn mới nhằm kết nối các đồ án quy hoạch hiện hữu trên địa bàn xã, bao gồm quy hoạch định hướng phát triển không gian; quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã

hội - môi trường theo chuẩn mới; quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn:

2.1. Giao thông:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015.

b) Nội dung thực hiện:

- Đường nối giữa trung tâm hành chính xã tới các ấp được nhựa hóa hay bê tông hóa đạt chuẩn kỹ thuật (cây xanh, nhựa nóng, hệ thống thoát nước).

- Đường trục nối giữa các ấp, tổ được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật (láng nhựa, hệ thống thoát nước).

- Đường liên nối giữa các tổ trong ấp, liên tổ được sạch sẻ và không lầy lội vào mùa mưa (bê tông hóa).

- Đề xuất tuyến đường Trần Văn Mười do Khu III/Sở Giao thông vận tải quản lý cần được nâng cấp, sửa chữa.

Tổng chiều dài cần nâng cấp, cải tạo, làm mới: 15,447km.

2.2. Thủy lợi:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

Tiếp tục duy trì, nâng chất tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Thực hiện duy tu theo kế hoạch của huyện.

2.3. Điện:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục nâng chất hệ thống các công trình cung cấp điện, chiếu sáng phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; 100% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên và an toàn từ các nguồn điện của xã.

- Vận động, tuyên truyền và có chính sách hỗ trợ người dân sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm (đèn huỳnh quang tiết kiệm điện, đèn compact thay thế đèn dây tóc);

- Trạm biến thế: lắp mới: 39 trạm - công suất: 7.020 KVA.

- Trạm tăng cường chiếu sáng: 5 trạm - công suất: 884 KVA.

- Đường dây trung thế: lắp mới: 2,19 km; cải tạo: 1,69 km.

- Đường dây hạ thế: 0,979 km; cải tạo: 0,18 km.

- Bóng đèn chiếu sáng dân lập: lắp mới 300 bóng; sửa chữa: 773 bóng.

2.4. Trường học:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2014.

b) Nội dung thực hiện:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến năm 2014, 100% trường học cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn Quốc gia.

Tiếp tục nâng chất hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học.

Nâng cấp sửa chữa Trường Trung học Cơ sở Tân Xuân, gồm: Xây dựng lại mới dãy C (diện tích đất xây dựng 50 m x 8,5 m; 5 phòng chức năng, 11 phòng học, 1 trệt và 2 lầu), quét sơn 2 dãy A và B.

2.5. Chợ nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới năm 2014.

b) Nội dung thực hiện:

Cải tạo, xây dựng mới chợ đáp ứng nhu cầu mua bán của dân cư nông thôn. Đáp ứng nơi kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân; xây dựng và phát triển kinh doanh các mặt hàng đặc trưng của địa phương (sản phẩm nông nghiệp). Tuy trên địa bàn xã đã có 2 chợ, nhưng chưa đạt chuẩn nên cần phải nâng cấp, sửa chữa về hệ thống thoát nước, môi trường,…

Phát triển các cửa hàng văn minh tiện lợi; các điểm bán hàng bình ổn giá nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một tăng của người dân và cung cấp hàng hóa có giá cả ổn định, chất lượng đảm bảo.

2.6. Bưu chính - viễn thông:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Cải tạo nâng cấp, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc của dân cư nông thôn. Ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao năng lực quản lý, theo dõi và giám sát quy trình sản xuất, phân phối, tiếp thị.

2.7. Nhà ở dân cư nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Vận động cải tạo, xây dựng mới, nâng cấp nhà ở của người dân, không để tình trạng nhà dột nát, tạm bợ đảm bảo điều kiện sống của người dân.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Phương hướng phát triển các ngành sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập người dân:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015, thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 đến 1,8 lần.

b) Nội dung thực hiện:

Khuyến khích phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, phát triển nông nghiệp (hoa cây kiểng, cá cảnh, sửa chữa cơ khí nhỏ, các loại hình dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí trong nông thôn...) theo hướng đô thị. Gồm:

* Phát triển các loại hình thương mại dịch vụ trên địa bàn xã

Phát triển các loại hình thương mại dịch vụ như: ăn uống, mua bán trao đổi hàng hóa, dịch vụ bưu chính viễn thông, thương mại điện tử, sửa chữa cơ khí, nhà hàng,... gắn phát triển với quy hoạch ổn định, văn minh.

Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án phát triển sản xuất trên địa bàn xã nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế nâng cao thu nhập cho người dân.

Đẩy mạnh và hỗ trợ việc thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, chợ, y tế, giáo dục,... trên địa bàn xã.

* Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhỏ vừa trên địa bàn xã.

Đẩy mạnh và hỗ trợ phát triển các loại hình ngành nghề về dệt may, thủ công mỹ nghệ, đan lát, đan lưới,... nhằm hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã.

* Về nông nghiệp đô thị: theo quy hoạch, diện tích đất sản xuất nông nghiệp đến năm 2015 trên địa bàn xã Xuân Thới Đông là 84 ha, chủ yếu là phát triển nông nghiệp đô thị. Chú trọng chuyển đổi các loại hình sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, giảm dần quy mô chăn nuôi gia súc. Gồm:

* Phát triển loại hình hoa, cây kiểng:

+ Quy mô dự kiến: khoảng 5 ha đến năm 2015, chuyển từ diện tích đất trồng lúa, vườn tạp, trồng cỏ kém hiệu quả.

+ Về chủng loại cây hoa kiểng: Hoa lan, mai vàng (mai ghép nhiều màu, mai tai giảo...); Bon sai (gồm một số loại như cùm rụm, tắc, khế, mai, cần thăng)...; Kiểng lớn như mai chiếu thủy, kiểng lá, hoa nền,…

* Chuyển đổi, giảm dần các loại hình chăn nuôi gia súc (heo, bò) sang các loại cây trồng, vật nuôi khác:

Vận động người dân chuyển đổi dần các loại hình chăn nuôi bò, heo sang các loại cây trồng khác như hoa lan, cây kiểng, cá cảnh,… thích hợp với loại hình nông nghiệp đô thị.

* Các loại hình cây lâu năm: Quy mô theo đến năm 2015: 128,67 ha. Chuyển từ đất vườn tạp, nông nghiệp khác sang.

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố vào năm 2013.

b) Nội dung:

- Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm vào năm 2015 và giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 xuống dưới 2%.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm; xuất khẩu lao động; học sinh, sinh viên; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn…

3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm:

a) Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện để có kế hoạch đào tạo nghề và tạo việc làm cho người nông dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã, góp phần ổn định cuộc sống với phương châm nghề hướng đến cung cho các doanh nghiệp, các khu công nghiệp đóng trên địa bàn xã hay các địa bàn lân cận. Từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình dạy nghề cho nông dân biết về quản lý kinh tế, vững về kỹ thuật, khả năng tiếp thị; cán bộ xã giỏi về phát triển nông thôn, là nòng cốt góp phần quan trọng trí thức hóa nông thôn.

- Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Vận động tự đi học, hỗ trợ đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi, cụ thể:

+ Vận động, hỗ trợ giải quyết việc làm: cho 3% lao động có việc làm không ổn định: 555 lao động.

+ Vận động học nghề, hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, kết hợp các hình thức đào tạo nghề khác, phần đấu đến năm 2015 có từ 70% lao động qua đào tạo, trong đó có 40% lao động nữ.

3.4. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2013.

b) Nội dung:

Đẩy mạnh liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa người sản xuất, tư thương, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Hình thành chuỗi hàng hóa khép kín nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Đến năm 2013 có mô hình hợp tác trong sản xuất kinh doanh của người dân làm ăn có hiệu quả.

4. Giáo dục, Y tế, Văn hóa xã hội và môi trường:

4.1. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2014.

b) Nội dung thực hiện:

- Bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất theo quy định.

- Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010.

- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm từ 100%.

- Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cả hai hệ từ 90%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 90%.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo: vận động lao động tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn (chính quy và không chính quy), được cấp các loại chứng chỉ, văn bằng như: chứng chỉ học nghề, bằng trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, cao đẳng và đại học đạt tiêu chí 14 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

4.2. Y tế:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 về cơ sở vật chất y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2013.

b) Nội dung thực hiện:

- Bổ sung trang thiết bị tại trạm y tế nhằm đảm bảo việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, cùng công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng dân cư đạt kết quả tốt: máy X-quang, máy siêu âm, máy xét nghiệm.

- Kịp thời đáp ứng việc khám và chữa bệnh thông thường, chăm sóc sức khỏe trẻ em, sức khỏe sinh sản và tổ chức sơ cấp cứu bệnh nhân nặng trước khi chuyển lên tuyến trên...

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn:

a) Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Xã có từ 70% số ấp trở lên đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo Quy chế công nhận

danh hiệu "Gia đình văn hóa", "ấp văn hóa", theo lộ trình từng giai đoạn, phấn đấu đến năm 2015: 6/6 ấp đạt chuẩn văn hóa, tiến tới công nhận xã văn hóa (Theo quy định tại Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố).

- Xây dựng quy ước hoạt động của tổ nhân dân, khu dân cư về nếp sống văn hóa nông thôn, tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Triển khai từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

- Xây dựng mô hình sinh hoạt văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

- Đẩy mạnh phát triển các hình thức xã hội hóa các hoạt động văn hóa trên địa bàn xã, tổ chức giao lưu các hoạt động văn hóa tổ chức trên địa bàn xã. Tổ chức các hội thảo trên địa bàn xã.

4.4. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2014, 100% hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

b) Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% người dân trên địa bàn xã.

- Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công cộng, khu dân cư được xử lý theo quy định, không làm suy giảm môi trường, bảo đảm đến năm 2015 quy định phải xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường; không có hoạt động làm suy giảm môi trường.

- Trồng cây xanh xen các tuyến đường chính, mỗi năm trồng 1.000 cây xanh, nhằm đảm bảo độ che phủ cây xanh trên địa bàn xã, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội:

5.1. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền đoàn thể chính trị xã hội trên trên địa bàn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2013.

b) Nội dung thực hiện:

Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

5.2. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước các mô hình tự quản về an ninh trật tự, an ninh; phòng, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và trật tự giao thông đô thị.

- Xây dựng lực lượng công an xã, lực lượng xã đội vững mạnh, năng động, nhạy bén, nắm chắc tình hình địa phương, không để xảy ra bất ổn về chính trị, điểm nóng về trật tự an ninh.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Xuân Thới Đông - huyện Hóc Môn, dự kiến: 360.442 triệu đồng, gồm:

1.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 215.358 triệu đồng (chiếm 59,75%).

1.2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 145.084 triệu đồng (chiếm 40,25%).

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 79.416 triệu đồng, chiếm 22,1%; trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 69.832 triệu đồng;

+ Vốn lồng ghép: 9.584 triệu đồng, chia ra:

* Vốn ngân sách tập trung: 0 triệu đồng;

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 9.584 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).

2.2. Vốn cộng đồng đóng góp: 230.026 triệu đồng, chiếm 63,8%, trong đó:

+ Vốn dân: 171.244 triệu đồng;

+ Vốn doanh nghiệp: 58.782 triệu đồng.

2.3. Vốn vay tín dụng: 51.000 triệu đồng, chiếm 14,1%.

2.4. Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Qui mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa";

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

3.2. Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Xuân Thới Đông huyện Hóc Môn chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Hóc Môn và xã Xuân Thới Đông; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Đông cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Xuân Thới Đông.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Ban quản lý xây dựng

nông thôn mới xã Xuân Thới Đông, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Xuân Thới Đông.

4.3. Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2512/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt "Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025";

Xét Tờ trình số 06/TTr-BQL, ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 234/TB-TCT-PTNT ngày 31 tháng 8 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số: 703/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức,
huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Phần I
THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ QUI ĐỨC, HUYỆN BÌNH CHÁNH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên:

Qui Đức là một xã của huyện Bình Chánh. Ranh giới xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Phía Tây giáp xã Hưng Long.
- Phía Nam giáp xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Phía Bắc giáp xã Đa Phước.

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Qui Đức là 647,88 ha. Trong đó gồm: đất nông nghiệp 527,3776 ha chiếm 81,40% diện tích của xã (Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 523,4674 ha (đất trồng cây hàng năm 348,9120 ha, đất trồng cây lâu năm 174,5554 ha), còn lại 3,9102 ha đất nuôi trồng thủy sản); đất phi nông nghiệp 120,4373 ha chiếm 18,59% diện tích đất của xã, đất chưa sử dụng là 0,0651 ha.

2. Dân số:

Theo niên giám thống kê 2010, toàn xã có 10.677 nhân khẩu, 2.298 hộ gia đình, mật độ dân số bình quân 1.647 người/km^2. Trong đó: số hộ nông nghiệp: 659 hộ chiếm 28,6%, số hộ phi nông nghiệp và dịch vụ khác: 1.639 hộ chiếm 71,32%. Dân số của xã phân bố không đồng đều tại các ấp, chủ yếu tập trung dọc theo các kênh rạch, trục đường chính trong xã (Quốc lộ 50, Đoàn Nguyễn Tuân) thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh. Những năm gần đây, do làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình nên công tác

dân số đã đạt những kết quả rất đáng khích lệ. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của xã ở mức thấp dưới 1,05% (năm 2010) so với tỷ lệ tăng tự nhiên trung bình toàn huyện.

3. Lao động:

- Tổng số người trong độ tuổi lao động: 7.060 người. Trong đó: lao động đang làm việc: 5.290 người (74,93%), đang đi học: 1.520 người (21,53%), nội trợ - có việc làm nhưng chưa ổn định: 250 người (3,54%).

- Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp: 34,34%, Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 6,79%, dịch vụ: 58,6% (Cụ thể: Nông nghiệp: 1.817 lao động, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 369, lao động, dịch vụ: 3.104 lao động).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch:

- Hiện Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã ban hành Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2012 về duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã Qui Đức đang trình thành phố phê duyệt Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn đến năm 2015 (Tỷ lệ 1:5000), đã hoàn thành nhiệm vụ Quy hoạch nông thôn mới, dự kiến đến Qúy IV/2013 sẽ hoàn thành đồ án Quy hoạch nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - Xã hội:

2.1. Giao thông:

Tổng km đường xã Qui Đức là 54 km:

- Đường trục xã, liên xã là 14 km, đã được nhựa hóa 4 km (28%), còn 10 km cần tiếp tục thực hiện.

- Đường trục ấp là 12 km, tỷ lệ cứng hóa 4,5%.

- Đường ngõ, xóm: 18 km, bê tông, đá, tỷ lệ cứng hóa là 2%.

- Đường trục chính nội đồng: 10 km, tỷ lệ cứng hóa 0%.

2.2. Kênh, rạch (Thủy lợi - Phòng, chống lụt, bão):

- Xã Qui Đức có tổng chiều dài kênh cấp 3 là 20 km, trong đó có 03km kênh đã được nạo vét.

- Thực trạng hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Qui Đức có 08 kênh cấp II trên tổng chiều dài gần 8km, 12 cống đầu mối Φ100. Tuy nhiên do ngân sách Huyện còn khó khăn nên chưa đáp ứng các yêu cầu về duy tu sửa chữa.

2.3. Điện:

- Hiện xã có 34 trạm biến áp với tổng dung lượng là 6.000 KVA.

- Hiện xã đã có 99,99% hộ dân trên tổng số 2.298 hộ đang sử dụng điện quốc gia đã có đồng hồ riêng.

- Tuy nhiên, hệ thống đèn chiếu sáng dọc theo các tuyến đường trên địa bàn xã còn hạn chế chỉ có 02 tuyến có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động (Đường Đoàn Nguyễn Tuân, Quốc lộ 50), còn các hệ thống khác đang tạm ngừng hoạt động.

2.4. Trường học:

- Khối mầm non: Trong xã có trường mầm non Phong Lan, với tổng diện tích 2.575 m^2, bao gồm 01 điểm chính 1542,6m^2.

- Khối tiểu học: Có một trường tiểu học Qui Đức với diện tích là 3.037m^2 gồm 01 điểm chính.

- Khối trung học cơ sở: Có trường trung học cơ sở Qui Đức với diện tích là 3.648m^2. Cơ sở vật chất của các nhà trường được chỉnh trang, sạch đẹp, tạo điều kiện tốt cho học sinh học tập.

- Tổng số học sinh bậc tiểu học có 920 em, không có trẻ dưới 15 tuổi bỏ học. Tỷ lệ lên lớp thẳng đạt 91,32%, đạt hiệu suất đào tạo 98%.

- Xã có 01 trường trung học cơ sở. Niên học 2011 - 2012 có 546 học sinh nhập học. Năm 2010 có 96,5% học sinh lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 100%, hiệu suất đào tạo ước đạt 85,91%.

- Trường phổ thông trung học: Chưa có.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

a) Số nhà văn hóa xã, ấp: Xã có 04 văn phòng ấp, nhưng đang trong tình trạng xuống cấp hoặc thuê mượn.

b) Khu thể thao của xã: Xã chưa có khu thể dục thể thao; tuy nhiên trong thời gian qua để tạo điều kiện cho nhu cầu giải trí và tổ chức các hoạt động cho người dân, xã phải tận dụng một số bãi đất trống.

2.6. Chợ:

- Trên địa bàn xã có 01 chợ (trong đó có 20 Kiốt) và nhiều điểm buôn bán nhỏ lẻ dọc các tuyến đường, chủ yếu phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của người dân. Ngoài ra, xã còn có 01 siêu thị tư nhân, tạo điều kiện cho người dân xã tiếp cận với các dịch vụ

tiêu dùng hàng ngày cao hơn. Tuy nhiên, hiện chợ đang trong tình trạng xuống cấp cần phải cải tạo trong thời gian tới.

2.7. Bưu điện:

- Xã có 01 bưu điện.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: Toàn xã có 1.536 điện thoại cố định; tỷ lệ hộ có điện thoại cố định khá cao (bình quân 2 hộ/máy).

- Hiện toàn xã có 589 hộ có máy vi tính. Toàn xã có 03 điểm truy cập Internet đang hoạt động ở ấp 1 và ấp 3.

- Năm 2010, xã đã đầu tư sửa chữa và nâng cấp hệ thống phát thanh, tuy nhiên mức độ đầu tư còn thấp.

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Toàn xã có tổng số nhà ở là 2.357 căn, trong đó nhà đạt chuẩn khoảng 1.475 căn (chiếm 62,58%), nhà chưa đạt chuẩn 745 căn (chiếm 31,61%), nhà tạm bợ còn khoảng 40 căn đang được các cấp chính quyền huyện, xã vận động hỗ trợ xây dựng, sửa chữa.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất:

3.1. Kinh tế:

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI cơ cấu kinh tế của xã là **Nông nghiệp (46,64%) - Thương mại, Dịch vụ (45,4%) - Tiểu thủ công nghiệp (7,96%).**

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt: Trong năm 2011, diện tích thu hoạch lúa hè thu 160/160 ha, năng suất 3,4 tấn, sản lượng 544 tấn, đạt 100%, diện tích lúa mùa và hè thu cấy lại 220/220 ha; diện tích gieo trồng 220 ha, năng suất 22 tấn, sản lượng 4.840 tấn; diện tích hoa, cây kiểng là 10 ha, bao gồm các loại hoa nền, hoa kiểng-bonsai, mai,…

- Chăn nuôi: Heo 1.500/1.500 con.

- Thủy sản: Diện tích thả cá ước đạt 20 ha.

Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2011 ước đạt 80,2 tỷ đồng, trong đó trồng trọt chiếm 73,3%, chăn nuôi chiếm 26,02%, thủy sản chiếm 0,68%.

b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Hiện xã có 123 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, giá trị nộp thuế cho nhà nước 310 triệu đồng năm 2010. Giá trị sản xuất của ngành này ước đạt 12,1 tỷ đồng.

c) Dịch vụ - Thương mại: Các ngành dịch vụ của xã tương đối kém phát triển, tập trung chủ yếu trên 02 tuyến đường chính

- Thu nhập bình quân/người: 15,11 triệu đồng/người/năm.

- Số lượng hộ nghèo: 598 hộ (theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm) chiếm 25,83% tổng số hộ toàn xã. Nếu theo tiêu chí của thành phố giai đoạn 1: 06 triệu đồng/người/năm: thì trên địa bàn xã không còn hộ có thu nhập dưới 06 triệu đồng.

3.2. Tỷ lệ lao động có việc làm:

- Cơ cấu lao động đang làm việc theo các ngành: Nông nghiệp - thương mại, dịch vụ - Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp của xã theo tỷ lệ tương ứng: 49,71% - 42,9% - 7,5%. So với giá trị sản xuất khá hợp lý với giá trị đóng góp của các ngành đối với nền kinh tế xã, bên cạnh đó hiện xã đang dần chuyển dịch cơ cấu lao động sang làm việc tại các công ty, khu công nghiệp, các vùng lân cận như tỉnh Long An và các xã khác của huyện Bình Chánh.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm đạt 74,7% (5.274/7.060).

3.3. Hình thức tổ chức sản xuất:

- Số doanh nghiệp: có 123 doanh nghiệp, cơ sở chế biến, sản xuất kinh doanh trên địa bàn chủ yếu thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Kinh tế trang trại: 01 trang trại nuôi heo

- Kinh tế tập thể: Đã thành lập các tổ hợp tác rau, tổ hợp tác chổi lông gà và tổ hợp tác chăn nuôi - thủy sản, tổ hoa cây kiểng.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục:

- Về công tác phổ cập:

+ Tỷ lệ đạt chuẩn xóa mù chữ: từ 15 đến 35 tuổi đạt 99,78% (3.228/3235), từ 25 đến 60 tuổi đạt 98,44% (7.016/7.127).

+ Tỷ lệ trẻ học mầm non dưới 5 tuổi: đạt 100%.

+ Tỷ lệ học tiểu học đúng độ tuổi đạt 94,04%, trong đó trẻ 6 tuổi đạt 100% .

+ Tỷ lệ phổ cập trung học cơ sở đạt 93,01%.

+ Tỷ lệ phổ cập trung học phổ thông đạt 74,95%.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 88,17%.

Một số chỉ tiêu khác:

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, dạy nghề) là 99,17%.

4.2. Y tế:

Hiện xã có 01 trạm y tế với số lượng cán bộ là 08 người trong đó có: 01 bác sĩ, 01 y sĩ, 03 y tá, 01 dược tá, 2 nữ hộ sinh. Cùng với sự hỗ trợ của trung tâm y tế huyện, sự nỗ lực vượt bậc của đội ngũ cán bộ y tế năm qua xã đã làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân và thực hiện các chương trình y tế quốc gia đạt kết quả khá. Một số tiêu chí như sau:

- Điều kiện trang thiết bị y tế hiện nay: đang được đầu tư xây dựng, tuy nhiên cơ sở thiết bị vẫn còn thiếu và chưa đạt chuẩn.

- Số lượng cá nhân đăng ký BHYT: 4.741 cá nhân (chiếm tỷ lệ 44,40%).

4.3. Văn hóa:

Năm 2011, xã có 04 ấp được công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 100%. Số hộ dân được công nhận là hộ gia đình văn hóa là 1.900 hộ, đạt tỷ lệ 82,86%.

4.4. Môi trường:

- Hiện toàn xã có 02 trạm cung cấp nước thuộc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, cung cấp nước sạch cho 1.150 hộ, ngoài ra còn có sự đầu tư giếng nước của tổ chức UNICEF nên nhìn chung hiện nay có khoảng 99,82% (2.275 hộ/2.298 hộ) đã tiếp cận sử dụng nguồn nước sạch, còn lại người dân toàn xã sử dụng nước khoan ở độ sâu dưới 200m mới đảm bảo vệ sinh, do nguồn nước các tầng phía trên bị nhiễm mặn khá cao.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 80%.

- Xử lý chất thải: hiện xã có tổ thu gom rác tỷ lệ 72% tập trung chủ yếu trên các tuyến đường lớn, dân cư tập trung như Quốc lộ 50, Hưng Long - Qui Đức, Đoàn Nguyễn Tuân, Nguyễn Văn Long, Bùi Văn Sự, Phạm Tấn Mười, khu dân cư ấp 1, 2, còn lại các hộ dân nằm ở khu vực dân cư thưa thớt nên chủ yếu tự tiêu hủy.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%.

- Nghĩa trang: trên địa bàn xã hiện nay chưa có nghĩa trang.

5. Hệ thống chính trị - an ninh trật tự xã hội:

5.1. Hệ thống chính trị của xã:

- Hiện nay, Đảng bộ có 11 chi bộ trực thuộc, với tổng số Đảng viên của xã là 107 Đảng viên. Trong đó, Đảng viên là cán bộ, công chức là 40 Đảng viên, hưu trí là 21 Đảng viên, đơn vị sự nghiệp là 26 Đảng viên, nghề nghiệp khác là 20 Đảng viên. Cụ thể như sau: Chi bộ ấp 1 có 15 Đảng viên, ấp 2 có 17 Đảng viên, ấp 3 có 10 Đảng viên, ấp 4 có 20 Đảng viên, chi bộ Quân sự có 08 Đảng viên, chi bộ chính quyền có 08 Đảng viên, chi bộ Công an có 3 Đảng viên, chi bộ trường mầm non 06 Đảng viên, chi bộ trường tiểu học Qui Đức 07 Đảng viên, chi bộ Thanh tra xây dựng 3 Đảng viên và chi bộ trung học cơ sở có 10 Đảng viên. Chất lượng sinh hoạt của Ban chấp hành từng bước được nâng cao, kết quả đánh giá tổ chức cơ sở Đảng và Đảng viên có 9/11 chi bộ Đảng đạt trong sạch vững mạnh (kết quả năm 2011).

- Về trình độ chính trị: Sơ cấp: 70 đồng chí; Trung cấp: 31 đồng chí; Đại học: 02 đồng chí; Cao cấp: 02 đồng chí, cao cấp đang học: 01 đồng chí.

- Số cán bộ, công chức có trình độ hiện đạt chuẩn theo quy định là 95%.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy trong việc tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của huyện và xã, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của xã.

5.2. Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn:

Nhìn chung, trong thời gian qua chính quyền xã thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, thực hiện chương trình mục tiêu "3 giảm". Giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, không xảy ra các tình huống bất ngờ, nhân dân đồng thuận thực hiện tốt chương trình chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Xây dựng và duy trì tốt "Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc", "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc", ý thức cảnh giác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhân dân, cán bộ công chức ngày càng nâng cao.

Lực lượng công an xã từng bước được củng cố, được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng khả năng yêu cầu giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã trong tình hình mới.

6. Các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã:

- Các chương trình hỗ trợ lãi suất phục vụ cho chương trình chuyển đổi.

- Thực hiện công tác vận động nhân dân hiến đất làm đường giao thông theo Chỉ thị số 01-CT/HU ngày 13 tháng 9 năm 2004 của Huyện ủy.

- Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu phí vệ sinh và bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện về tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn huyện.

- Thực hiện nâng cấp đầu tư đường Nguyễn Văn Long, kinh phí đầu tư là 3,6 tỷ đồng.

- Thực hiện nâng cấp đầu tư đường Cầu Ông Chiếm, kinh phí đầu tư là 2,4 tỷ đồng.

Phần II
NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ QUI ĐỨC ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng xã Qui Đức trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ… nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, ấp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng xã Qui Đức trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

+ Năm 2012 đạt 7/19 tiêu chí (4, 8, 13, 16, 17, 18, 19).

+ Năm 2013 đạt 11/19 tiêu chí (thêm 4 tiêu chí: 1, 3, 12, 14).

+ Năm 2014 đạt 16/19 tiêu chí (thêm 5 tiêu chí: 6, 7, 9,11, 15).

+ Năm 2015 đạt 19/19 tiêu chí (thêm 3 tiêu chí: 2, 5, 10).

* Những chỉ tiêu cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải, nơi chôn cất đúng quy định, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 đến 1,8 lần so với mức khởi điểm xuất phát năm 2012.

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Nông nghiệp - Thương mại, dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm từ 25,83% xuống 1% (theo báo cáo của Huyện), tức từ 598 hộ (năm 2011) đến năm 2014 chỉ còn dưới 10 hộ.

- Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (tỷ lệ lao động ở độ tuổi làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp) giảm bình quân 8 - 10%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã là trên 10%/năm trong giai đoạn 2012 - 2015.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 4/4 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới về quy hoạch.

b) Nội dung:

Hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT/BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn:

2.1. Giao thông:

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Nâng cấp, mở rộng, cải tạo:

+ Nâng cấp, cải tạo đường trục xã, liên xã: chiều dài 8.800m (láng nhựa).

+ Nâng cấp, mở rộng, cải tạo các tuyến đường liên ấp, liên tổ: tổng chiều dài 2.120m (bê tông xi măng).

+ Nâng cấp đường ngõ xóm: 2.800m (bê tông xi măng).

+ Đường nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

2.2. Thủy lợi:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Gia cố lại thượng, hạ lưu; nâng cấp cải tạo các cống thoát nước rạch Mương, rạch Bà Két trên đường Hưng Long - Qui Đức và cống số 2, số 3 trên đường liên ấp 1-4.

- Làm mới cống điều tiết thay cầu hiện hữu tại ấp 1 trên rạch Xóm Rẫy.

- Nạo vét, gia cố, chỉnh trang đường bờ kênh Nguyễn Văn Long; kênh đường bờ kênh Nguyễn Văn Thê; kênh đường bờ kênh Nguyễn Văn Thời; Nạo vét, gia cố, chỉnh trang, thay cống qua kênh đường bờ kênh Hốc Hưu nối dài.

- Nâng cấp lắp đan cống thoát nước (cống hộp) ấp 1 gồm các tổ 8, 13, 14, 15; làm mới cống thoát nước và cửa điều tiết Rạch Nhà máy ấp 1; nạo vét, đặt cống hộp để thông thoáng dòng chảy Rạch Cầu Hội.

2.3. Điện:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Cải tạo nâng cấp hệ thống điện của xã, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường xuyên ấp: đường Nguyễn Văn Long, Nguyễn Văn Thê, Hốc Hưu, Nguyễn Văn Thời với 345 bóng.

- Gắn đồng hồ điện riêng sử dụng từ lưới điện quốc gia cho những hộ chưa có.

- Điều tra khảo sát và gắn mới điện kế sản xuất cho những hộ sản xuất nông nghiệp.

2.4. Trường học:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

+ Trường mần non Qui Đức: Xây mới đạt chuẩn.

+ Trường tiểu học Qui Đức: Xây mới đạt chuẩn.

+ Trường trung học cơ sở Qui Đức: Xây mới đạt chuẩn.

+ Bồi thường, xây mới 01 phân hiệu trường tiểu học để giảm áp lực sĩ số học sinh cho trường tiểu học Qui Đức đạt chuẩn - 2.000m^2.

2.5. Y tế:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 về cơ sở vật chất y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Xây dựng mới trạm y tế, vườn thuốc nam, hệ thống nước và xử lý chất thải đạt chuẩn.

2.6. Cơ sở vật chất văn hóa:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng Trung tâm văn hóa gắn liền với khu tưởng niệm của địa danh căn cứ Hốc Hưu tại ấp 3, dự kiến 1.000m^2.

- Cải tạo, nâng cấp văn phòng Ban nhân dân ấp 1 kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao; xây mới văn phòng Ban nhân dân các ấp 2, 3, 4 kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao. Quy mô 300 - 500 m^2/văn phòng ấp, nhà làm việc Ủy ban nhân dân xã (phòng tiếp dân, phòng phát thanh, phòng thanh tra xây dựng.

2.7. Chợ:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: cải tạo chợ hiện tại.

2.8. Bưu điện:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: nâng cấp bưu điện xã.

2.9. Nhà ở dân cư nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới - Chỉnh trang nhà ở các khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển, đảm bảo vẻ mỹ quan khu dân cư nông thôn ven đô.

- Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát.

b) Nội dung thực hiện: vận động xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa; Vận động và tuyên truyền người dân cải tạo sửa chữa để không còn nhà tạm, tham khảo nhà mẫu cho nông thôn khi có nhu cầu xây nhà mới.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Phương hướng phát triển các ngành sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập người dân:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015, thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 đến 1,8 lần (khoảng 24 triệu đồng/người/năm).

b) Nội dung thực hiện:

Khuyến khích phát triển nông nghiệp và các dịch vụ nông nghiệp (hoa cây kiểng, cá cảnh, thú y, sửa chữa cơ khí nhỏ, các loại hình dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí trong nông thôn....) theo hướng đô thị, diện tích đất ít nhưng hiệu quả kinh tế cao, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường.

b.1) Trồng Hoa Lan:

- Có thể áp dụng ấp 1, 2 , 3, 4.

- Quy mô dự kiến: 06 ha.

- Mô hình điểm: Nguyễn Văn Hùng A12/18 A, Ấp 1, xã Qui Đức.

b.2) Trồng các loại rau an toàn:

- Địa điểm dự kiến phát triển: ấp 2, 3, 4.

- Quy mô dự kiến: 70 ha, chú trọng phát triển các loại rau.

- Loại rau dự kiến: Rau ăn lá (cải xanh, cải ná, mùng tơi...), ớt, rau ăn quả (mướp, bầu bí)...

- Mô hình điểm: Nguyễn Văn Phương C6/34 ấp 3 xã Qui Đức.

- Nếu kết hợp cả trồng rau ăn lá và rau ăn quả, với khoảng 6 vụ bình quân hàng năm, lợi nhuận thu được từ rau có thể mang lại khoảng 15 triệu đồng/1000m^2 như hộ ông Nguyễn Văn Phương ấp 3.

b.3) Mô hình VAC-Biogas kết hợp:

- Địa điểm phát triển: Ấp 3, 4.

- Quy mô dự kiến: 20 ha.

- Hình thức dự kiến: Rau - cá - nuôi heo - tận sử dụng hầm biogas.

- Mô hình điểm: Nguyễn Văn Thức, C5/1 Ấp 3, xã Qui Đức.

b.4) Trồng lúa đặc sản - Rau - Hoa vạn thọ:

- Quy mô dự kiến: 80 ha.

- Mô hình điểm: Mai Văn Truyền, C5/14 Ấp 3 xã Qui Đức.

b.5) Ngành nghề nông thôn:

Thực hiện các chương trình cấy nghề cho người dân xã Qui Đức như trồng nấm, sinh vật cảnh (hoa kiểng, bon sai, cá kiểng...), các ngành nghề nông thôn khác (mộc, cơ khí, nấu ăn, may, đan...) phù hợp với lao động lớn tuổi hiện nay tại địa phương.

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

b) Nội dung:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện phấn đấu đến năm 2014 hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo theo tiêu chí mới của thành phố, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 1% vào năm 2014.

- Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

- Kế hoạch giảm hộ nghèo khoảng 10%/năm, đến năm 2014 trên địa bàn xã giảm còn dưới 1% hộ nghèo theo chuẩn 12 triệu đồng/người/năm.

3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm:

a) Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

- Lưu ý quan tâm đến việc tạo nghề cho nữ lao động nông thôn, phấn đấu đến 2015 đạt tỷ lệ 40% lao động nữ nông thôn được đào tạo nghề nghiệp (Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 2011 - 2015).

- Lĩnh vực đào tạo nghề cho 500 lao động nông thôn.

3.4. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung:

- Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

- Bồi dưỡng, đào tạo: tổ trưởng, tổ phó tổ hợp tác nhằm nâng cao về năng lực quản lý.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính,...).

- Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác.

4. Văn hóa xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với các đoàn thể vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

- Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp.

- Tuyên truyền, hội thảo và phân nhóm lao động.

4.2. Y tế:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

b) Nội dung thực hiện:

- Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng; công tác dân số gia đình và trẻ em luôn được quan tâm chú trọng. Thực hiện tốt công tác khám, điều trị và phòng chống các dịch bệnh.

- Kết hợp Trung tâm Y tế dự phòng Huyện tổ chức tiêm ngừa vaccin, uống vitamin A cho trẻ và khám phụ khoa cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đạt kế hoạch được giao.

- Tổ chức truyền thông lồng ghép, tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai.

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn:

a) Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Bổ sung các quy ước về nếp sống văn hóa. Xây dựng chuẩn gia đình văn hóa, các ấp văn hóa, tổ dân phố văn hóa theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng Văn Hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

- Thí điểm xã hội hóa khu văn hóa - thể dục thể thao, tụ điểm văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

- Xây dựng quy ước ấp (hương ước) về nếp sống văn hóa nông thôn: (tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội); giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

4.4. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

+ Trồng cây xanh các tuyến đường, trường học, cơ quan, y tế… vận động dân tham gia các hội thi Môi trường xanh của Sở, thành phố (Môi trường xanh, Chủ nhật xanh…).

+ Vận động người dân thực hiện chôn cất đúng theo quy định (khu nghĩa trang Qui Đức).

+ Xây dựng, cải tạo hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của hộ dân, nơi đổ rác chung cho cộng đồng; Lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt.

+ Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Cty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích huyện để thiết lập, quản lý và vận hành các tuyến đường thu gom, vận chuyển rác cho phù hợp với quy định chung của thành phố.

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng, chống ô nhiễm môi trường sản xuất.

5. Hệ thống chính trị - an ninh trật tự xã hội:

5.1. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền đoàn thể chính trị xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

5.2. An ninh chính trị và trật tự xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Nội dung 1: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung 2: Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, dự kiến: 473.887 triệu đồng, gồm:

1.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 409.287 triệu đồng (chiếm 86,37%).

1.2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 64.600 triệu đồng (chiếm 13,63%).

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 392.440 triệu đồng, chiếm 83%; trong đó:

+ Vốn Nông thôn mới: 170.515 triệu đồng.

+ Vốn lồng ghép: 221.925 triệu đồng, chia ra:

* Vốn ngân sách tập trung: 203.225 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 18.700 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).

2.2. Vốn cộng đồng đóng góp: 63.447 triệu đồng, chiếm 13%; trong đó:

+ Vốn dân: 35.217 triệu đồng.

+ Vốn doanh nghiệp: 28.230 triệu đồng.

2.3. Vốn vay tín dụng: 18.000 triệu đồng, chiếm 4%.

2.4. Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

3.2. Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 04 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Qui Đức huyện Bình Chánh chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Qui Đức và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Bình Chánh và xã Qui Đức; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Qui Đức.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Ban quản lý xây

dựng nông thôn mới xã Qui Đức, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Qui Đức.

4.3. Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Qui Đức, huyện Bình Chánh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2578/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tiếp công dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Quyết định số 55/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố và Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về phân công công tác các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Căn cứ Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kèm theo Quy trình về tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Đề án Kiện toàn tổ chức, hoạt động của cơ quan tiếp công dân các cấp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Văn phòng Tiếp công dân thành phố tại Tờ trình số 14/TTr-TCD ngày 28 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp công dân của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ nhiệm Văn phòng Tiếp công dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tiếp công dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch
Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết các giai đoạn của quá trình sau đây:

1. Việc tiếp công dân của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Quy định các tiêu chí đăng ký gặp Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Quy định về trình tự tiếp công dân của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tiếp công dân của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Việc thông báo các kết luận chỉ đạo trong công tác tiếp công dân; chỉ đạo, hoặc kiến nghị để giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị.

6. Việc theo dõi đôn đốc, kiểm tra và chế độ thông tin, báo cáo kết quả thực hiện kết luận chỉ đạo của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Mục đích

1. Tăng cường mối quan hệ giữa nhân dân với người đứng đầu Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo và điều hành bảo đảm thực thi pháp luật.

2. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời chỉ đạo giải quyết nhanh những vướng mắc, bức xúc, trong việc công tác tiếp công dân và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị của công dân, cơ quan tổ chức trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc tiếp công dân

1. Bảo đảm tính dân chủ, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

2. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị.

Chương II
TIẾP CÔNG DÂN CỦA CHỦ TỊCH HOẶC PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 4. Chế độ tiếp công dân

Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện tiếp công dân ít nhất một ngày, không kể trường hợp tiếp công dân đột xuất tại Văn phòng Tiếp công dân thành phố.

Điều 5. Tiếp nhận đơn đăng ký gặp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Văn phòng Tiếp công dân thành phố tiếp nhận đơn đăng ký gặp Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong các trường hợp:

1. Có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Những vụ việc khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị nếu không xem xét, giải quyết kịp thời có thể xảy ra hậu quả nghiêm trọng, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của tập thể và cá nhân, ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Những vụ việc đã quá hạn giải quyết theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo hiện hành do lỗi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của cán bộ, công chức khi thi hành công vụ.

4. Những vụ việc phức tạp, kéo dài, đã được Thủ trưởng sở, ban, ngành hoặc

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện tiếp công dân nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo gay gắt.

Điều 6. Chuẩn bị tiếp công dân

1. Định kỳ hàng tháng, Văn phòng Tiếp công dân thành phố chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chuẩn bị hồ sơ, tổng hợp báo cáo, thống kê danh sách, đề xuất Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tiếp công dân. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xác định thời điểm và nội dung tiếp công dân trong thời hạn 05 ngày làm việc. Sau đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo cho Văn phòng Tiếp công dân thành phố phát hành thư mời.

2. Thư mời và tài liệu tiếp công dân được Văn phòng Tiếp công dân thành phố gửi cho người chủ trì, các cơ quan và công dân dự họp trước ít nhất 05 ngày làm việc, tính từ thời điểm phát hành thư mời đến thời điểm tổ chức tiếp công dân.

Điều 7. Thành phần, trình tự tiếp công dân

1. Thành phần tiếp công dân; gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì; đại diện lãnh đạo các cơ quan: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Văn phòng Tiếp công dân thành phố; đại diện cơ quan thụ lý hồ sơ, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi phát sinh vụ việc và các thành phần khác liên quan đến nội dung tiếp công dân.

2. Trình tự tiếp công dân:

a) Văn phòng Tiếp công dân điểm danh, lập danh sách đại diện các cơ quan dự tiếp công dân và danh sách công dân được mời.

b) Lãnh đạo Văn phòng tiếp công dân tuyên bố lý do buổi tiếp công dân; giới thiệu thành phần tham dự, người chủ trì, thư ký ghi biên bản tiếp công dân; đọc nội quy buổi tiếp công dân.

c) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, đề nghị công dân trình bày ý kiến, đại diện các cơ quan dự họp phát biểu, ý kiến phản hồi của công dân, kết luận.

3. Thông báo ý kiến kết luận: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp công dân, Văn phòng Tiếp công dân thành phố dự thảo thông báo kết luận trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi được phê

duyệt, Văn phòng Tiếp công dân thành phố phát hành thông báo truyền đạt ý kiến kết luận của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đến các cơ quan dự họp và gửi giấy báo tin cho công dân.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN TRONG VIỆC TIẾP CÔNG DÂN CỦA CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 8. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

1. Phối hợp với Văn phòng Tiếp công dân thành phố để bố trí lịch tiếp công dân của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Định kỳ hàng quý, phối hợp với Văn phòng Tiếp công dân thành phố trong việc thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kết về kết quả tiếp công dân của Ủy ban nhân dân thành phố và công tác tiếp công dân trên địa bàn thành phố.

Điều 9. Văn phòng Tiếp công dân thành phố

1. Tiếp nhận, phân loại đơn đăng ký gặp Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố để chuẩn bị kế hoạch, chương trình làm việc, tài liệu và tổng hợp báo cáo, đề xuất chính kiến cho Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tiếp công dân.

3. Phát hành thông báo để truyền đạt kết luận nội dung tiếp công dân của của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sau khi tiếp công dân.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến công tác tiếp công dân trên địa bàn thành phố.

Điều 10. Trách nhiệm của người đứng đầu Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Người đứng đầu các cơ quan trực tiếp thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết tranh

chấp, khiếu nại, tố cáo và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo đầy đủ, chính xác kịp thời, cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn gửi đến Văn phòng Tiếp công dân thành phố khi có yêu cầu, để chuẩn bị nội dung tiếp công dân của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Giám đốc Công an thành phố có trách nhiệm chỉ đạo Công an địa phương lập kế hoạch bảo vệ an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy tại địa điểm tiếp công dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Định kỳ 6 tháng, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì họp với các cơ quan liên quan để đánh giá công tác tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Giao Chủ nhiệm Văn phòng Tiếp công dân thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức thực hiện đúng Quy chế này, trường hợp có phát sinh vướng mắc, tổng hợp báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành phố xem xét chỉ đạo.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, báo cáo định kỳ và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh cần phải bổ sung, sửa đổi, Văn phòng Tiếp công dân thành phố tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành phố xem xét, chỉ đạo bổ sung hoặc sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng